

Bản án số: 232/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung; bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm C khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 256/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2021, các Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 12 tháng 10 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **H**, sinh năm 1990.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 3, thị trấn P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông C, Luật sư - Văn phòng Luật sư L - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh **C**, sinh ngày 27/4/1985.

Quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan). Hộ chiếu số: 351214272 do Cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc (Đài Loan) cấp ngày 02/10/2018.

Nơi cư trú: Số 9, ngõ 156, đường S, cụm 18, phường D, khu Đ, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2018. Sau khi kết hôn anh C

trở về Đài Loan (Trung Quốc). Từ khi về nước anh không liên lạc với chị và chị cũng không có bất cứ thông tin nào của anh. Trên thực tế vợ chồng không có cuộc sống chung, vợ chồng mỗi người một nơi từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung, tài sản, nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H ủy quyền cho ông C thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, ông C đã thông báo cho chị H biết, chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ông C cũng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đồng thời đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị H ly hôn anh C. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cung cấp địa chỉ của anh C tại: Số 9, ngõ 156, đường S, cụm 18, phường D, khu Đ, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc) là địa chỉ trước khi về Việt Nam kết hôn, ngoài địa chỉ trên chị H không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Bộ Tư pháp để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Ngày 24 tháng 01 năm 2022, Bộ Tư pháp có C văn số 217/CH-BTP, thể hiện Bộ tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã gửi văn bản ủy thác tới Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để thực hiện ủy thác đối với anh C. Tuy nhiên đến ngày xét xử, Tòa án không nhận được kết quả của việc ủy thác tư pháp. Ngày 19/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã có C văn số 12/TTTPDS- TA26 “*V/v tương trợ tư pháp lần 2*” gửi Bộ tư pháp để hỏi kết quả ủy thác tư pháp đối với anh C. Ngày 12/9/2022, Bộ Tư pháp có C văn số 2369/BTP-PLQT thể hiện Bộ tư pháp nhận được Văn bản số 1110059247 ngày 09/8/2022 của Bộ tư pháp Lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh C. Theo đó cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 02/6/2022 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn C an. Quá trình giải quyết vụ án, chị H ủy quyền cho ông C thay chị giao nhận

văn bản tố tụng đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị tại phiên tòa và chị có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H là ông C, luật sư có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C trở về Đài Loan (Trung Quốc), từ khi về nước anh không liên lạc với chị. Trên thực tế vợ chồng không có cuộc sống chung, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên không đề nghị giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp anh C có yêu cầu giải quyết về tài sản chung (nếu có căn cứ) thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí, lệ phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về Hôn nhân gia đình và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **H** ly hôn anh **C**.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm dân sự (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004589 ngày 08/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004627 ngày 09/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị xã K, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa GD và NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân